

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI****ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nghị quyết số: 1075/2015/UBTVQH13

**NGHỊ QUYẾT
BAN HÀNH QUY CHẾ LÀM VIỆC
CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI****ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM***Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;**Căn cứ Luật tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13;**Căn cứ Tờ trình của Ban soạn thảo;***QUYẾT NGHỊ:****Điều 1**

Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế làm việc của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Điều 2

Ủy ban thường vụ Quốc hội, thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Tổng thư ký Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, các cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có quan hệ công tác với Ủy ban thường vụ Quốc hội chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Điều 3

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

*Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2015***TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH****Nguyễn Sinh Hùng**

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
LÀM VIỆC CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 1075/2015/UBTVQH13)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

1. Quy chế này quy định nguyên tắc, chế độ làm việc, quy trình thực hiện nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn, mối quan hệ phối hợp công tác của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Ủy ban thường vụ Quốc hội, thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Tổng thư ký Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, các cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội, các đại biểu Quốc hội và cơ quan, tổ chức, cá nhân có quan hệ công tác với Ủy ban thường vụ Quốc hội chịu sự điều chỉnh của Quy chế này.

Điều 2. Nguyên tắc và hiệu quả hoạt động của Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Ủy ban thường vụ Quốc hội làm việc theo chế độ tập thể và quyết định theo đa số.

2. Hiệu quả hoạt động của Ủy ban thường vụ Quốc hội được bảo đảm bằng hiệu quả hoạt động của Ủy ban thường vụ Quốc hội, hoạt động của Chủ tịch Quốc hội, các Phó Chủ tịch Quốc hội, các Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, cùng với sự tham gia của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Tổng thư ký Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, các cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội và các đại biểu Quốc hội; sự phối hợp công tác của cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan.

Điều 3. Hình thức làm việc của Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Các hình thức làm việc của Ủy ban thường vụ Quốc hội bao gồm:

- a) Phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- b) Cuộc họp, hội nghị do Ủy ban thường vụ Quốc hội tổ chức;
- c) Cho ý kiến bằng văn bản.

2. Tại phiên họp, Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định tổ chức cuộc họp, hội nghị theo đề nghị của thành viên Ủy ban

thường vụ Quốc hội phụ trách nội dung. Chủ tịch Quốc hội quyết định việc xin ý kiến Ủy ban thường vụ Quốc hội bằng văn bản.

Điều 4. Thông tin, tuyên truyền về hoạt động của Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Hoạt động của Ủy ban thường vụ Quốc hội được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng.
2. Các cơ quan báo chí được tham dự, đưa tin về các hoạt động của Ủy ban thường vụ Quốc hội tại khu vực dành riêng cho báo chí.
3. Tổng thư ký Quốc hội là người phát ngôn của Ủy ban thường vụ Quốc hội, có trách nhiệm tổ chức cung cấp thông tin về chương trình, nội dung phiên họp công khai và các hoạt động khác của Ủy ban thường vụ Quốc hội.
4. Tài liệu phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội được đăng trong kỷ yếu của phiên họp do Văn phòng Quốc hội ấn hành.

CHƯƠNG II

CÁC HÌNH THỨC LÀM VIỆC CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Mục 1

PHIÊN HỌP ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Điều 5. Phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội là hình thức hoạt động chủ yếu của Ủy ban thường vụ Quốc hội.
2. Ủy ban thường vụ Quốc hội họp công khai. Trường hợp Ủy ban thường vụ Quốc hội họp riêng do Chủ tịch Quốc hội quyết định.

Điều 6. Thời gian bắt đầu phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội

Phiên họp thường kỳ của Ủy ban thường vụ Quốc hội được bắt đầu vào khoảng từ ngày 10 đến ngày 15 hàng tháng, trừ trường hợp đặc biệt do Chủ tịch Quốc hội quyết định.

Đối với phiên họp được triệu tập theo đề nghị của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ hoặc ít nhất một phần ba tổng số thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, thời gian bắt đầu phiên họp do Chủ tịch Quốc hội quyết định.

Điều 7. Chương trình phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Việc dự kiến chương trình và quyết định triệu tập phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội thực hiện theo quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật tổ chức Quốc hội.
2. Khi cần thiết, căn cứ vào tình hình thực tế hoặc theo đề nghị của thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, cơ quan, tổ chức hữu quan, Chủ tịch Quốc hội có thể điều chỉnh chương trình phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Điều 8. Việc chuẩn bị nội dung trình Ủy ban thường vụ Quốc hội tại phiên họp

Chủ tịch Quốc hội chỉ đạo việc chuẩn bị nội dung phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội. Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội chuẩn bị những nội dung được Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội phân công.

Điều 9. Thành phần dự họp

1. Thành phần, khách mời tham dự phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội theo quy định tại Điều 60 của Luật tổ chức Quốc hội.

2. Thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội có trách nhiệm tham gia đầy đủ các phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội; trường hợp không thể tham dự phiên họp thì phải báo cáo lý do để Chủ tịch Quốc hội xem xét, quyết định.

Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội là Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Tổng thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Trưởng Ban thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội vắng mặt được cử cấp phó tham dự phiên họp. Người dự họp thay được trình bày ý kiến bằng văn bản của Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội vắng mặt; được phát biểu ý kiến cá nhân khi Chủ tọa phiên họp đồng ý nhưng không được quyền biểu quyết.

3. Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân được mời tham dự phiên họp có trách nhiệm dự họp hoặc cử người đi dự họp đúng thành phần, trường hợp không thể dự họp thì phải thông báo tới Tổng thư ký Quốc hội để báo cáo Chủ tịch Quốc hội.

Điều 10. Hồ sơ tài liệu phiên họp

1. Chủ tịch Quốc hội quyết định những tài liệu được lưu hành tại phiên họp theo đề nghị của Tổng thư ký Quốc hội.

2. Cơ quan soạn thảo, cơ quan thẩm tra dự án, báo cáo, đề án gửi bản điện tử và bản in các loại tài liệu phục vụ phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội tới Văn phòng Quốc hội để tập hợp thành hồ sơ gửi đến thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội và phục vụ phiên họp theo thời hạn quy định tại Điều 63 của Luật tổ chức Quốc hội.

3. Tài liệu phiên họp được gửi đến thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội và khách mời tham dự phiên họp; đại diện cơ quan thông tấn, báo chí được cung cấp tài liệu, trừ tài liệu mật.

4. Thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội và đại biểu tham dự phiên họp có trách nhiệm thực hiện những quy định về việc sử dụng, bảo quản và hoàn trả tài liệu mật, không được tiết lộ nội dung các phiên họp riêng của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

5. Tài liệu của phiên họp được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Điều 11. Chủ tọa phiên họp

1. Chủ tịch Quốc hội khai mạc và bế mạc phiên họp, Chủ tọa phiên họp của Ủy ban thường vụ Quốc hội; bảo đảm thực hiện chương trình làm việc của phiên họp và những quy định về phiên họp của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Phó Chủ tịch Quốc hội khai mạc, bế mạc phiên họp theo ủy quyền của Chủ tịch Quốc hội trong trường hợp Chủ tịch Quốc hội vắng mặt; điều hành phiên họp theo sự phân công của Chủ tịch Quốc hội.

2. Chủ tọa phiên họp có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

- a) Xác định tính hợp lệ của phiên họp trên cơ sở thành phần tham dự phiên họp, nội dung hồ sơ tài liệu trình Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- b) Nêu nội dung đề nghị Ủy ban thường vụ Quốc hội tập trung thảo luận;
- c) Mời thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội phát biểu theo thứ tự đăng ký hoặc mời đại biểu tham dự phiên họp phát biểu ý kiến;
- d) Quyết định kéo dài hoặc rút ngắn thời gian thảo luận về một nội dung của phiên họp;
- đ) Tổng hợp ý kiến đã phát biểu, trường hợp cần thiết, đề nghị Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết về nội dung thuộc chương trình xem xét, cho ý kiến;
- e) Tổng hợp ý kiến đã phát biểu, nêu nội dung đề Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết về nội dung thuộc chương trình thông qua;
- g) Ký biên bản phiên họp.

Điều 12. Báo cáo tại phiên họp

1. Thành viên Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng kiểm toán nhà nước, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cá nhân trình dự án, báo cáo, đề án trực tiếp báo cáo với Ủy ban thường vụ Quốc hội tại phiên họp. Trường hợp đặc biệt, người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thể ủy quyền cho cấp phó báo cáo thay và phải được sự đồng ý của Chủ tịch Quốc hội.

2. Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân trình dự án, báo cáo, đề án tại phiên họp trình bày báo cáo trong thời gian không quá 20 phút. Căn cứ nội dung, tình hình thực tế, Chủ tọa phiên họp quyết định tăng thời gian trình bày hoặc yêu cầu báo cáo, giải trình thêm.

Điều 13. Thảo luận tại phiên họp

1. Chủ tọa điều hành phiên họp xác định mục đích, yêu cầu, nội dung thảo luận; mời từng thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội phát biểu. Khi cần thiết, Chủ tọa phiên họp có thể mời đại biểu tham dự phiên họp phát biểu ý kiến. Thời gian phát biểu một lần không quá 10 phút.

2. Đối với dự án, đề án, báo cáo cho ý kiến trước khi trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội tập trung thảo luận về quan điểm, chủ trương, chính

sách lớn hoặc nội dung còn nhiều ý kiến khác nhau được cơ quan trình, cơ quan thẩm tra đề nghị; tiến độ, điều kiện trình Quốc hội.

Đối với dự án, đề án, báo cáo quyết định theo thẩm quyền, Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, thảo luận toàn diện về quan điểm, chính sách và nội dung trước khi quyết định.

3. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Quốc hội quyết định việc xin ý kiến Ủy ban thường vụ Quốc hội bằng văn bản đối với nội dung quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 14. Kết luận của Ủy ban thường vụ Quốc hội tại phiên họp

1. Căn cứ ý kiến thảo luận và phát biểu tổng hợp của Chủ tọa phiên họp, Thường trực Hội đồng dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội, Tổng thư ký Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức hữu quan chuẩn bị dự thảo Thông báo kết luận của Ủy ban thường vụ Quốc hội về nội dung được giao phụ trách, xin ý kiến các thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội để hoàn chỉnh văn bản và trình Lãnh đạo Quốc hội quyết định.

2. Tổng thư ký Quốc hội gửi Thông báo kết luận của Ủy ban thường vụ Quốc hội về dự án, đề án, báo cáo đến các cơ quan, tổ chức hữu quan để nghiên cứu tiếp thu, triển khai thực hiện.

Trường hợp cơ quan trình dự án, đề án, báo cáo có ý kiến khác với kết luận của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì phải báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội bằng văn bản.

Điều 15. Biểu quyết tại phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định áp dụng một trong các hình thức biểu quyết sau:

- a) Biểu quyết bằng bỏ phiếu kín;
- b) Biểu quyết bằng giơ tay.

2. Việc biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín được thực hiện theo trình tự sau:

- a) Chủ tọa phiên họp nêu rõ nội dung biểu quyết;
- b) Ban công tác đại biểu trình Ủy ban thường vụ Quốc hội số lượng và nhân sự Ban kiểm phiếu;
- c) Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận và biểu quyết thông qua Ban kiểm phiếu bằng hình thức giơ tay;
- d) Ban kiểm phiếu công bố thể lệ bỏ phiếu và phát phiếu;
- đ) Thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội có mặt tại phiên họp bỏ phiếu;
- e) Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu và báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội về kết quả kiểm phiếu;

g) Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định việc thông qua kết quả kiểm phiếu.

3. Việc biểu quyết bằng hình thức giơ tay được thực hiện theo trình tự sau:

a) Chủ tọa phiên họp nêu rõ nội dung biểu quyết;

b) Thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội có mặt tại phiên họp biểu quyết; có quyền biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không biểu quyết;

c) Chủ tọa phiên họp thông báo kết quả biểu quyết.

4. Pháp lệnh, nghị quyết, kết luận của Ủy ban thường vụ Quốc hội được thông qua khi có quá nửa tổng số thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết tán thành.

5. Trường hợp cần biểu quyết lại một vấn đề đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết thông qua thì Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận tập thể và Chủ tọa phiên họp quyết định việc biểu quyết lại.

Điều 16. Công bố pháp lệnh, nghị quyết, thông báo kết luận của Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Việc công bố pháp lệnh, nghị quyết có chứa quy phạm pháp luật thực hiện theo quy định tại Điều 80 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Đối với nghị quyết không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này, Tổng thư ký Quốc hội công bố nghị quyết chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày được thông qua.

3. Đối với nội dung Ủy ban thường vụ Quốc hội cho ý kiến, Tổng thư ký Quốc hội thông báo kết luận của Ủy ban thường vụ Quốc hội chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc phiên họp.

4. Kết quả phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội được thông báo đến Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội và cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan.

Điều 17. Biên bản phiên họp

1. Phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội được ghi biên bản, ghi âm và gõ băng. Biên bản phiên họp phải ghi đầy đủ diễn biến của phiên họp, ý kiến phát biểu, kết luận, kết quả biểu quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội; có chữ ký của Chủ tọa phiên họp và Tổng thư ký Quốc hội.

2. Tổng thư ký Quốc hội tổ chức việc ghi biên bản, ghi âm, gõ băng các phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Mục 2

CÁC HÌNH THỨC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 18. Hội nghị đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách

1. Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định triệu tập và chủ trì Hội nghị đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách để thảo luận, cho ý kiến về các dự án, đề án, báo cáo.

2. Hội nghị đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách được tổ chức với sự tham gia của đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách, đại diện cơ quan trình, cơ quan thẩm tra dự án, báo cáo, đề án. Các đại biểu Quốc hội không hoạt động

chuyên trách có quyền đăng ký tham dự và phát biểu tại Hội nghị. Các nhà quản lý, chuyên gia, nhà khoa học có thể được mời tham dự Hội nghị.

3. Căn cứ dự kiến chương trình kỳ họp Quốc hội, chương trình công tác của Ủy ban thường vụ Quốc hội, theo đề nghị của Thường trực Hội đồng dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội, Tổng thư ký Quốc hội xây dựng Kế hoạch tổ chức Hội nghị đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách trình Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định.

4. Chủ tịch Quốc hội chủ tọa Hội nghị. Tùy theo tính chất, nội dung của dự án, đề án, báo cáo, Chủ tịch Quốc hội có thể phân công Phó Chủ tịch Quốc hội hoặc Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội điều hành nội dung của Hội nghị.

5. Thường trực Hội đồng dân tộc, Thường trực Ủy ban của Quốc hội, Ban thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, cơ quan trình dự án, đề án, báo cáo chuẩn bị tài liệu và báo cáo tại Hội nghị về những nội dung cần đưa ra thảo luận, xin ý kiến; tổng hợp, nghiên cứu các ý kiến tại Hội nghị để chỉnh lý dự án, đề án, báo cáo.

6. Tổng thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch tổ chức phục vụ Hội nghị.

Điều 19. Cuộc họp, hội nghị khác do Ủy ban thường vụ Quốc hội tổ chức

1. Ủy ban thường vụ Quốc hội tổ chức hội nghị để triển khai hoặc tổng kết việc thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội; tổ chức hội nghị chuyên đề, hội nghị phối hợp công tác với các cơ quan, tổ chức hữu quan và hội nghị khác để triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

2. Chủ tịch Quốc hội, các Phó Chủ tịch Quốc hội, các Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội chủ trì cuộc họp với các cơ quan, tổ chức hữu quan để triển khai nhiệm vụ được giao.

3. Tổng thư ký Quốc hội chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức hữu quan xây dựng kế hoạch tổ chức, phục vụ các hội nghị, cuộc họp.

CHƯƠNG III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI XEM XÉT, QUYẾT ĐỊNH CÁC NỘI DUNG THEO THẨM QUYỀN

Mục 1

TRONG LĨNH VỰC XÂY DỰNG PHÁP LUẬT

Điều 20. Xem xét đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, kiến nghị về luật, pháp lệnh; xem xét, thông qua dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết; giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh; cho ý kiến, tiếp thu, chỉnh lý dự án luật, dự thảo nghị quyết

Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, kiến nghị về luật, pháp lệnh; xem xét, thông qua dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết; giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh; cho ý kiến, tiếp thu, chỉnh lý dự án

luật, dự thảo nghị quyết theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 21. Điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh

1. Trên cơ sở xem xét tình hình chuẩn bị dự án, dự thảo của các cơ quan, tổ chức hữu quan hoặc theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án luật, pháp lệnh, trong thời gian giữa hai kỳ họp Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh theo trình tự sau:

a) Cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh;

b) Ủy ban pháp luật của Quốc hội trình báo cáo thẩm tra và dự thảo nghị quyết;

c) Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;

d) Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu, nêu nội dung để Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết;

đ) Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết thông qua nghị quyết.

2. Tại kỳ họp Quốc hội gần nhất, Ủy ban thường vụ Quốc hội báo cáo Quốc hội về việc điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh. Thường trực Ủy ban pháp luật chịu trách nhiệm chuẩn bị dự thảo Báo cáo của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Điều 22. Tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về dự án luật

1. Căn cứ tính chất, nội dung của dự án luật, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định việc tổ chức lấy ý kiến Nhân dân, nội dung, phạm vi, thể thức và thời gian lấy ý kiến Nhân dân về dự án luật.

2. Cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án luật chuẩn bị hồ sơ về việc tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về dự án luật để trình Ủy ban thường vụ Quốc hội. Hồ sơ gồm:

a) Tờ trình;

b) Dự thảo nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

c) Hồ sơ dự án luật.

3. Tại phiên họp, Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định việc tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về dự án luật theo trình tự sau:

a) Cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình dự án luật trình tờ trình và dự thảo nghị quyết;

b) Cơ quan chủ trì thẩm tra dự án luật trình ý kiến về tờ trình và dự thảo nghị quyết;

c) Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;

d) Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu, nêu nội dung để Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết;

đ) Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết thông qua nghị quyết.

Điều 23. Cho ý kiến về việc ban hành nghị định quy định về vấn đề cần thiết thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội nhưng chưa đủ điều kiện xây dựng thành luật hoặc pháp lệnh

Ủy ban thường vụ Quốc hội cho ý kiến về việc ban hành nghị định quy định về vấn đề cần thiết thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội nhưng chưa đủ điều kiện xây dựng thành luật hoặc pháp lệnh để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội theo trình tự sau:

1. Chính phủ trình tờ trình;
2. Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội được giao chủ trì thẩm tra trình báo cáo thẩm tra;
3. Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;
4. Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu, nêu nội dung để Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết;
5. Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết.

Điều 24. Xem xét lại pháp lệnh đã được thông qua trong trường hợp Chủ tịch nước đề nghị

Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét lại pháp lệnh đã được thông qua trong trường hợp Chủ tịch nước đề nghị theo trình tự sau:

1. Chủ tịch nước trình đề nghị;
2. Cơ quan được Ủy ban thường vụ Quốc hội phân công báo cáo ý kiến về đề nghị của Chủ tịch nước;
3. Cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan chủ trì thẩm tra dự án pháp lệnh báo cáo ý kiến;
4. Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;
5. Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến thảo luận, nêu nội dung để Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết;
6. Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết.

Điều 25. Hoàn chỉnh văn bản đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua

1. Đối với pháp lệnh, nghị quyết có chứa quy phạm pháp luật đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua, Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách nội dung chỉ đạo Cơ quan chủ trì thẩm tra chủ trì, phối hợp với Thường trực Ủy ban pháp luật của Quốc hội, Cơ quan soạn thảo và Tổng thư ký Quốc hội hoàn chỉnh văn bản. Tổng thư ký Quốc hội trình Chủ tịch Quốc hội ký ban hành.

Hồ sơ trình ký ban hành phải kèm theo phiếu ghi ý kiến của Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách nội dung, Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách pháp luật, người đứng đầu cơ quan soạn thảo, cơ quan chủ trì thẩm tra, Chủ nhiệm Ủy ban pháp luật của Quốc hội, Tổng thư ký Quốc hội.

2. Đối với những nghị quyết khác đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua, cơ quan soạn thảo chủ trì, phối hợp với Tổng thư ký Quốc hội hoàn chỉnh văn bản cuối cùng để trình Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách lĩnh vực xem xét trước khi trình Chủ tịch Quốc hội ký ban hành.

Mục 2

TRONG LĨNH VỰC GIÁM SÁT

Điều 26. Hoạt động giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Ủy ban thường vụ Quốc hội tiến hành hoạt động giám sát theo quy định tại Mục 2 Chương 2 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

Ủy ban thường vụ Quốc hội giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân theo quy định tại Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Luật khiếu nại, Luật tố cáo.

Điều 27. Xem xét pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội khi phát hiện có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội

Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét pháp lệnh, nghị quyết của mình có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội theo trình tự sau:

1. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, đại biểu Quốc hội trình đề nghị xem xét pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội;
2. Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội được phân công trình ý kiến; đối với đề nghị xem xét pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội có dấu hiệu trái với Hiến pháp thì Ủy ban pháp luật của Quốc hội trình báo cáo thẩm tra;
3. Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;
4. Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu, nêu nội dung đề Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết;
5. Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết.

Mục 3

XEM XÉT CÁC VẤN ĐỀ VỀ NHÂN SỰ VÀ TỔ CHỨC BỘ MÁY NHÀ NƯỚC THEO THẨM QUYỀN

Điều 28. Đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, Tổng Kiểm toán nhà nước, Tổng thư ký Quốc hội

1. Ban công tác đại biểu giúp Ủy ban thường vụ Quốc hội chuẩn bị hồ sơ nhân sự và dự thảo tờ trình của Ủy ban thường vụ Quốc hội, dự thảo nghị quyết của Quốc hội về danh sách đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm

Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, Tổng Kiểm toán nhà nước, Tổng thư ký Quốc hội.

2. Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét danh sách đề nghị Quốc hội theo trình tự sau:

a) Trưởng Ban công tác đại biểu trình bày dự thảo tờ trình và dự thảo nghị quyết;

b) Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;

c) Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu, nêu nội dung đề Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết;

d) Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết thông qua danh sách đề nghị.

Điều 29. Cho ý kiến về việc trình Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thủ tướng Chính phủ, Phó Chủ tịch nước, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; phê chuẩn danh sách thành viên Hội đồng quốc phòng và an ninh, Hội đồng bầu cử quốc gia

Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, cho ý kiến về việc trình Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thủ tướng Chính phủ, Phó Chủ tịch nước, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; phê chuẩn danh sách thành viên Hội đồng quốc phòng và an ninh, Hội đồng bầu cử quốc gia theo trình tự sau:

1. Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia trình tờ trình, hồ sơ nhân sự và dự thảo nghị quyết của Quốc hội;

2. Việc phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì Ủy ban tư pháp của Quốc hội trình báo cáo thẩm tra;

3. Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;

4. Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu.

Điều 30. Quyết định số Phó Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Phó Chủ nhiệm Ủy ban, Ủy viên thường trực, Ủy viên chuyên trách và các Ủy viên khác của Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội

Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định số Phó Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Phó Chủ nhiệm Ủy ban, Ủy viên thường trực, Ủy viên chuyên trách và các Ủy viên khác của Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội theo trình tự sau:

1. Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội trình tờ trình và dự thảo nghị quyết;
2. Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;
3. Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu, nêu nội dung để Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết;
4. Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết thông qua nghị quyết.

Điều 31. Phê chuẩn danh sách Phó Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Phó Chủ nhiệm Ủy ban; Ủy viên thường trực, Ủy viên chuyên trách và các Ủy viên khác của Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội; phê chuẩn việc cho thôi làm thành viên Hội đồng, Ủy ban

Ủy ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn danh sách Phó Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Phó Chủ nhiệm Ủy ban; Ủy viên thường trực, Ủy viên chuyên trách và các Ủy viên khác của Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội; phê chuẩn việc cho thôi làm thành viên Hội đồng, Ủy ban theo trình tự sau:

1. Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội trình tờ trình và dự thảo nghị quyết;
2. Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;
3. Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu, nêu nội dung để Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết;
4. Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết thông qua nghị quyết.

Điều 32. Phê chuẩn kết quả bầu Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

1. Ban công tác đại biểu chủ trì tập hợp kết quả bầu Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; chuẩn bị hồ sơ, tờ trình, dự thảo nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội và gửi xin ý kiến thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Ban công tác đại biểu tổng hợp ý kiến thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội trình Lãnh đạo Quốc hội xem xét, quyết định; trường hợp còn có ý kiến khác nhau thì báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

Điều 33. Xem xét đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc bắt, giam, giữ, khởi tố đại biểu Quốc hội, người trúng cử đại biểu Quốc hội, khám xét nơi ở, nơi làm việc của đại biểu Quốc hội

1. Ủy ban thường vụ Quốc hội thực hiện việc xem xét đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc bắt, giam, giữ, khởi tố đại biểu Quốc hội, người trúng cử đại biểu Quốc hội, khám xét nơi ở, nơi làm việc của đại biểu Quốc hội trong thời gian Quốc hội không họp theo trình tự sau:

- a) Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao trình tờ trình và dự thảo nghị quyết;
- b) Ủy ban tư pháp của Quốc hội trình báo cáo thẩm tra;
- c) Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;

d) Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu, nêu nội dung để Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết;

đ) Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết thông qua nghị quyết.

2. Tại kỳ họp gần nhất, Ủy ban thường vụ Quốc hội báo cáo Quốc hội về việc phê chuẩn đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc bắt, giam, giữ, khởi tố đại biểu Quốc hội, người trúng cử đại biểu Quốc hội, khám xét nơi ở, nơi làm việc của đại biểu Quốc hội. Ban công tác đại biểu chịu trách nhiệm chuẩn bị dự thảo báo cáo của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Điều 34. Quyết định tạm đình chỉ và việc trở lại thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Quốc hội; báo cáo với Quốc hội về việc đại biểu Quốc hội mất quyền đại biểu

1. Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Quốc hội trong trường hợp đại biểu Quốc hội bị khởi tố bị can theo trình tự sau:

a) Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao báo cáo về việc đại biểu Quốc hội bị khởi tố bị can;

b) Ban công tác đại biểu trình dự thảo nghị quyết;

c) Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;

d) Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu, nêu nội dung để Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết;

đ) Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết thông qua nghị quyết.

2. Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định việc đại biểu Quốc hội trở lại thực hiện nhiệm vụ sau khi bị tạm đình chỉ theo trình tự sau:

a) Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao báo cáo về việc cơ quan có thẩm quyền đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án đối với đại biểu hoặc có phán quyết của Tòa án có hiệu lực pháp luật tuyên đại biểu không có tội hoặc được miễn trách nhiệm hình sự;

b) Ban công tác đại biểu trình dự thảo nghị quyết;

c) Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;

d) Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu, nêu nội dung để Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết;

đ) Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết thông qua nghị quyết.

3. Trong trường hợp đại biểu Quốc hội đương nhiên mất quyền đại biểu do bị kết tội bằng bản án, quyết định của Tòa án thì Ủy ban thường vụ Quốc hội báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Ban công tác đại biểu chịu trách nhiệm chuẩn bị dự thảo báo cáo của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Điều 35. Xem xét, quyết định việc chuyển đại biểu Quốc hội đến sinh hoạt tại Đoàn đại biểu Quốc hội khác

1. Trong trường hợp đại biểu chuyển công tác đến tỉnh, thành phố khác trực thuộc trung ương, đại biểu Quốc hội có đơn đề nghị chuyển sinh hoạt Đoàn đại biểu Quốc hội đến Ủy ban thường vụ Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, Ủy

ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi bầu ra mình và Đoàn đại biểu Quốc hội, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đại biểu chuyển đến sinh hoạt.

2. Ban công tác đại biểu tập hợp đơn của đại biểu Quốc hội, ý kiến của Đoàn đại biểu Quốc hội, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi bầu ra đại biểu và Đoàn đại biểu Quốc hội, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đại biểu chuyển đến sinh hoạt, chuẩn bị hồ sơ, tờ trình, dự thảo nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội và gửi xin ý kiến thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội.

3. Ban công tác đại biểu tổng hợp ý kiến thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội trình Lãnh đạo Quốc hội xem xét, quyết định; trường hợp còn có ý kiến khác nhau thì báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

Điều 36. Xem xét đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi đại biểu Quốc hội công tác về việc bãi nhiệm, cách chức, buộc thôi việc, sa thải đại biểu Quốc hội

Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi đại biểu Quốc hội công tác về việc bãi nhiệm, cách chức, buộc thôi việc, sa thải đại biểu Quốc hội theo trình tự sau:

1. Ban công tác đại biểu trình Báo cáo tổng hợp ý kiến đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi đại biểu Quốc hội công tác; báo cáo tường trình của đại biểu Quốc hội; báo cáo xác minh của cơ quan có thẩm quyền, nếu có;

2. Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;

3. Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu, nêu nội dung để Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết;

4. Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết.

Điều 37. Xem xét trình Quốc hội bãi nhiệm đại biểu Quốc hội

1. Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét trình Quốc hội bãi nhiệm đại biểu Quốc hội theo trình tự sau:

a) Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trình đề nghị bãi nhiệm đại biểu Quốc hội;

b) Ban công tác đại biểu trình Báo cáo tổng hợp về hồ sơ của đại biểu Quốc hội và dự thảo nghị quyết;

c) Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;

d) Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu, nêu nội dung để Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết;

đ) Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết thông qua nghị quyết.

2. Trong trường hợp Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định trình Quốc hội bãi nhiệm đại biểu Quốc hội, tại kỳ họp Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội trình Quốc hội bãi nhiệm đại biểu Quốc hội theo quy định tại Điều 41 của Nội quy kỳ họp Quốc hội.

Điều 38. Quyết định việc đưa ra để cử tri nơi bầu đại biểu bãi nhiệm đại biểu Quốc hội

Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định việc đưa ra để cử tri nơi bầu đại biểu bãi nhiệm đại biểu Quốc hội theo quy định tại Điều 40 và Điều 54 của Luật tổ chức Quốc hội.

Điều 39. Quyết định việc chấp nhận đại biểu Quốc hội thôi làm nhiệm vụ đại biểu

1. Trong thời gian Quốc hội không họp, đại biểu Quốc hội có đơn xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu gửi Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định theo trình tự sau:

a) Ban công tác đại biểu trình tờ trình và dự thảo nghị quyết;

b) Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;

c) Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu, nêu nội dung để Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết;

d) Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết thông qua nghị quyết.

3. Tại kỳ họp Quốc hội gần nhất, Ủy ban thường vụ Quốc hội báo cáo Quốc hội việc chấp nhận đề nghị xin thôi làm nhiệm vụ của đại biểu Quốc hội. Ban công tác đại biểu chịu trách nhiệm chuẩn bị dự thảo báo cáo của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Điều 40. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Phó Tổng thư ký Quốc hội, lãnh đạo cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội; phê chuẩn thành viên Ban thư ký

Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Phó Tổng thư ký Quốc hội, lãnh đạo cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội; phê chuẩn thành viên Ban thư ký theo trình tự sau:

1. Cơ quan có thẩm quyền trình tờ trình và dự thảo nghị quyết;

2. Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;

3. Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu, nêu nội dung để Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết;

4. Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết thông qua nghị quyết.

Điều 41. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Tổng Kiểm toán nhà nước

Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Tổng Kiểm toán nhà nước theo trình tự sau:

1. Tổng Kiểm toán nhà nước trình tờ trình và dự thảo nghị quyết;

2. Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;

3. Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến thảo luận, nêu nội dung để Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết;

4. Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết thông qua nghị quyết.

Điều 42. Phê chuẩn đề nghị của Thủ tướng Chính phủ về bổ nhiệm, miễn nhiệm đại sứ đặc mệnh toàn quyền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, phê chuẩn đề nghị của Thủ tướng Chính phủ về bổ nhiệm, miễn nhiệm đại sứ đặc mệnh toàn quyền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo trình tự sau:

1. Thủ tướng Chính phủ trình tờ trình và dự thảo nghị quyết;

2. Ủy ban đối ngoại của Quốc hội trình báo cáo thẩm tra;

3. Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;

4. Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu, nêu nội dung để Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết;

5. Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết thông qua nghị quyết.

Điều 43. Thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính dưới tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; quy định tiêu chuẩn, tiêu chí, thẩm quyền, thủ tục phân loại đơn vị hành chính; đặt tên, đổi tên đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; giải quyết tranh chấp liên quan đến địa giới đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã

Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính dưới tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; quy định tiêu chuẩn, tiêu chí, thẩm quyền, thủ tục phân loại đơn vị hành chính; đặt tên, đổi tên đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; giải quyết tranh chấp liên quan đến địa giới đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo trình tự sau:

1. Chính phủ trình tờ trình và dự thảo nghị quyết;

2. Ủy ban pháp luật của Quốc hội trình báo cáo thẩm tra;

3. Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;

4. Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu, nêu nội dung để Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết;

5. Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết thông qua nghị quyết.

Điều 44. Quyết định giải tán Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; phê chuẩn việc giải tán Hội đồng nhân dân cấp huyện

Ủy ban thường vụ Quốc hội tự mình hoặc theo đề nghị của Chính phủ xem xét, quyết định việc giải tán Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; phê chuẩn việc giải tán Hội đồng nhân dân cấp huyện theo trình tự sau:

1. Chính phủ, Ban công tác đại biểu thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trình tờ trình và dự thảo nghị quyết;
2. Ủy ban pháp luật của Quốc hội trình báo cáo thẩm tra;
3. Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;
4. Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu, nêu nội dung để Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết;
5. Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết thông qua nghị quyết.

Điều 45. Quyết định và công bố ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân trong trường hợp giải tán Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định và công bố ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân trong trường hợp giải tán Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 6 Điều 139 của Luật tổ chức chính quyền địa phương theo trình tự sau:

1. Chính phủ trình tờ trình và dự thảo nghị quyết;
2. Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;
3. Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu, nêu nội dung để Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết;
4. Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết thông qua nghị quyết.

Điều 46. Hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân trong những trường hợp đặc biệt

Ủy ban thường vụ Quốc hội chỉ định triệu tập viên kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp khuyết Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh mới được thành lập; chỉ định quyền Chủ tịch Hội đồng nhân dân trong trường hợp thành lập mới một đơn vị hành chính trên cơ sở điều chỉnh một phần địa giới của các đơn vị hành chính khác theo trình tự sau:

1. Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh khóa cũ, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nơi được điều chỉnh địa giới hành chính trình tờ trình và dự thảo nghị quyết;
2. Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;
3. Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu, nêu nội dung để Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết;
4. Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết thông qua nghị quyết.

Điều 47. Quyết định các vấn đề về tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân

Ủy ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn tổ chức bộ máy; nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị trong bộ máy giúp việc của Tòa án nhân dân tối cao; quyết định thành lập, giải thể Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân tỉnh, thành

phổ trực thuộc trung ương, Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương, Tòa án quân sự quân khu và tương đương, Tòa án quân sự khu vực, Tòa chuyên trách khác thuộc Tòa án nhân dân, phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp cao; số lượng thẩm phán cao cấp, thẩm phán trung cấp, thẩm phán sơ cấp và cơ cấu tỷ lệ các ngạch thẩm phán tại mỗi cấp tòa án, tổng biên chế của Tòa án nhân dân và Tòa án quân sự; danh sách Ủy viên Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán quốc gia, Quy chế hoạt động của Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán quốc gia; chế độ tiền lương, phụ cấp, mẫu trang phục, cấp phát và sử dụng trang phục đối với thẩm phán và hội thẩm, Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm; chế độ tiền lương, phụ cấp đối với Thư ký Tòa án, Thẩm tra viên; Quy chế phối hợp giữa Tòa án nhân dân tối cao và Bộ Quốc phòng trong việc quản lý các Tòa án quân sự về tổ chức theo trình tự sau:

1. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao trình tờ trình và dự thảo nghị quyết;
2. Ủy ban tư pháp của Quốc hội trình báo cáo thẩm tra;
3. Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;
4. Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu, nêu nội dung để Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết;
5. Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết thông qua nghị quyết.

Điều 48. Quyết định các vấn đề về tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân

Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định thành lập, giải thể Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, Viện kiểm sát quân sự quân khu và tương đương, Viện kiểm sát quân sự khu vực; bộ máy làm việc của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát quân sự trung ương; tổng biên chế, số lượng Kiểm sát viên; cơ cấu tỷ lệ các ngạch Kiểm sát viên tại mỗi cấp Viện kiểm sát nhân dân, Viện kiểm sát quân sự; cơ cấu tỷ lệ các ngạch Điều tra viên của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát quân sự trung ương; danh sách ủy viên Hội đồng tuyển chọn Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao, thành viên Ủy ban kiểm sát của Viện kiểm sát nhân dân tối cao; tiêu chuẩn bổ nhiệm, điều kiện nâng ngạch Kiểm tra viên Viện kiểm sát nhân dân; chế độ tiền lương đối với Kiểm sát viên, Điều tra viên, Kiểm tra viên của Viện kiểm sát nhân dân; chế độ cấp phát và sử dụng trang phục ngành Kiểm sát nhân dân, phù hiệu, cấp hiệu của Lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân các cấp, của Kiểm sát viên, Điều tra viên, Kiểm tra viên; hình thức, kích thước, màu sắc của Giấy chứng minh Kiểm sát viên theo trình tự sau:

1. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao trình tờ trình và dự thảo nghị quyết;
2. Ủy ban tư pháp của Quốc hội trình báo cáo thẩm tra;
3. Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;

4. Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu, nêu nội dung đề Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết;

5. Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết thông qua nghị quyết.

Điều 49. Quyết định số lượng các đơn vị trực thuộc Kiểm toán nhà nước; biên chế và việc thành lập, sáp nhập, giải thể đơn vị trực thuộc Kiểm toán nhà nước

Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định số lượng các đơn vị trực thuộc Kiểm toán nhà nước; biên chế và việc thành lập, sáp nhập, giải thể đơn vị trực thuộc Kiểm toán nhà nước theo trình tự sau:

1. Tổng Kiểm toán nhà nước trình tờ trình và dự thảo nghị quyết;

2. Ủy ban pháp luật của Quốc hội trình báo cáo thẩm tra;

3. Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;

4. Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu, nêu nội dung đề Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết;

5. Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết thông qua nghị quyết.

Điều 50. Quy định cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Quốc hội, Ban thư ký, các cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội; xem xét, quyết định biên chế đội ngũ cán bộ, công chức thuộc Văn phòng Quốc hội; xem xét, quyết định biên chế công chức, tổng số viên chức và người lao động làm việc tại Viện nghiên cứu lập pháp

Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Quốc hội, Ban thư ký, các cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội; xem xét, quyết định biên chế đội ngũ cán bộ, công chức thuộc Văn phòng Quốc hội; xem xét, quyết định biên chế công chức, tổng số viên chức và người lao động làm việc tại Viện nghiên cứu lập pháp theo trình tự sau:

1. Tổng thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, người đứng đầu cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội trình tờ trình và dự thảo nghị quyết;

2. Ủy ban pháp luật của Quốc hội trình báo cáo thẩm tra;

3. Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;

4. Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu, nêu nội dung đề Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết;

5. Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết thông qua nghị quyết.

Mục 4

XEM XÉT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ QUAN TRỌNG THUỘC THẨM QUYỀN CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Điều 51. Tổ chức trưng cầu ý dân

Ủy ban thường vụ Quốc hội tổ chức trưng cầu ý dân theo quyết định của Quốc hội theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật trưng cầu ý dân.

Điều 52. Cho ý kiến về việc đàm phán, ký kết, phê chuẩn điều ước quốc tế

1. Ủy ban thường vụ Quốc hội cho ý kiến về việc ký điều ước quốc tế có quy định trái pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, điều ước quốc tế mà việc thực hiện cần sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, ban hành pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội theo trình tự sau:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định ký điều ước quốc tế trình tờ trình về việc ký điều ước quốc tế;

b) Ủy ban đối ngoại của Quốc hội trình báo cáo thẩm tra;

c) Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;

d) Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu.

2. Ủy ban thường vụ Quốc hội cho ý kiến về việc trình Quốc hội phê chuẩn, quyết định gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực của điều ước quốc tế theo trình tự sau:

a) Chính phủ trình tờ trình;

b) Ủy ban đối ngoại của Quốc hội trình báo cáo thẩm tra;

c) Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;

d) Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu.

Điều 53. Xem xét báo cáo của Chính phủ về công tác đối ngoại

Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét báo cáo của Chính phủ về công tác đối ngoại theo trình tự sau:

1. Chính phủ trình báo cáo;

2. Ủy ban đối ngoại của Quốc hội trình báo cáo thẩm tra;

3. Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;

4. Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu.

Điều 54. Cho ý kiến về những vấn đề thuộc chính sách cơ bản về đối ngoại của Nhà nước

Ủy ban thường vụ Quốc hội cho ý kiến về những vấn đề thuộc chính sách cơ bản về đối ngoại của Nhà nước trước khi trình Quốc hội theo trình tự sau:

1. Chính phủ trình báo cáo;

2. Ủy ban đối ngoại của Quốc hội trình báo cáo thẩm tra;

3. Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;

4. Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu.

Điều 55. Quyết định đăng cai tổ chức hội nghị của các tổ chức liên nghị viện thế giới và khu vực tại Việt Nam; quyết định việc thành lập, quy định tổ chức và hoạt động của tổ chức nghị sĩ hữu nghị Việt Nam

Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định đăng cai tổ chức hội nghị của các tổ chức liên nghị viện thế giới và khu vực tại Việt Nam; quyết

định việc thành lập, quy định tổ chức và hoạt động của tổ chức nghị sĩ hữu nghị Việt Nam theo trình tự sau:

1. Ủy ban đối ngoại của Quốc hội trình tờ trình và dự thảo nghị quyết;
2. Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;
3. Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu, nêu nội dung để Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết;
4. Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết thông qua nghị quyết.

Điều 56. Xem xét kết quả hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế; thông qua chương trình hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế hàng năm của Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Ủy ban đối ngoại tổng hợp kết quả chuyến thăm, làm việc của Đoàn Quốc hội tại nước ngoài và Đoàn Quốc hội nước ngoài, tổ chức quốc tế thăm, làm việc với Quốc hội Việt Nam trình Ủy ban thường vụ Quốc hội trong báo cáo kết quả hoạt động đối ngoại của Quốc hội hàng năm. Trường hợp cần thiết, Ủy ban đối ngoại báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội về hoạt động đối ngoại quan trọng tại phiên họp gần nhất.

2. Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, thông qua báo cáo đánh giá kết quả hoạt động đối ngoại; dự kiến chương trình hoạt động đối ngoại hàng năm của Ủy ban thường vụ Quốc hội tại phiên họp cuối năm theo trình tự sau:

a) Ủy ban đối ngoại của Quốc hội trình Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động đối ngoại; dự kiến chương trình hoạt động đối ngoại hàng năm của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

b) Văn phòng Quốc hội trình Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện chương trình hợp tác quốc tế; dự kiến chương trình hợp tác quốc tế hàng năm của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

c) Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;

d) Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu, nêu nội dung để Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết;

đ) Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết thông qua chương trình hoạt động đối ngoại và chương trình hợp tác quốc tế hàng năm của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Điều 57. Quyết định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách nhà nước; bổ sung dự toán số tăng thu ngân sách nhà nước; phân bổ, sử dụng số tăng thu, số tiết kiệm chi của ngân sách trung ương

Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách nhà nước; bổ sung dự toán số tăng thu ngân sách nhà nước; phân bổ, sử dụng số tăng thu, số tiết kiệm chi của ngân sách trung ương theo trình tự sau:

1. Chính phủ trình tờ trình và dự thảo nghị quyết;

2. Ủy ban tài chính, ngân sách của Quốc hội trình báo cáo thẩm tra;
3. Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;
4. Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu, nêu nội dung để Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết;
5. Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết thông qua nghị quyết.

Điều 58. Quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ giữa các bộ, ngành và địa phương

Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ giữa các bộ, ngành và địa phương theo trình tự sau:

1. Chính phủ trình tờ trình và dự thảo nghị quyết;
2. Ủy ban tài chính, ngân sách của Quốc hội trình báo cáo thẩm tra;
3. Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;
4. Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu, nêu nội dung để Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết;
5. Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết thông qua nghị quyết.

Điều 59. Cho ý kiến về các chế độ chi ngân sách quan trọng, phạm vi ảnh hưởng rộng, liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội của đất nước

Ủy ban thường vụ Quốc hội cho ý kiến về các chế độ chi ngân sách quan trọng, phạm vi ảnh hưởng rộng, liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội của đất nước theo trình tự sau:

1. Chính phủ trình tờ trình;
2. Ủy ban tài chính, ngân sách của Quốc hội trình báo cáo thẩm tra;
3. Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;
4. Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu.

Điều 60. Tuyên bố tình trạng chiến tranh

1. Ủy ban thường vụ Quốc hội tuyên bố tình trạng chiến tranh trong trường hợp Quốc hội không thể họp được theo trình tự sau:

- a) Hội đồng quốc phòng và an ninh trình tờ trình và dự thảo nghị quyết;
- b) Ủy ban quốc phòng và an ninh của Quốc hội trình báo cáo thẩm tra.
- c) Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;
- d) Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu, nêu nội dung để Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết;
- đ) Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết thông qua nghị quyết.

2. Tổng thư ký Quốc hội tổ chức họp báo công bố nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Điều 61. Quyết định cấp bậc quân hàm, cấp bậc hàm cao nhất đối với chức vụ, chức danh của sĩ quan là cấp tướng của đơn vị thành lập mới

Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định cấp bậc quân hàm, cấp bậc hàm cao nhất đối với chức vụ, chức danh của sĩ quan là cấp tướng của đơn vị thành lập mới theo trình tự sau:

1. Chính phủ trình tờ trình và dự thảo nghị quyết;
2. Ủy ban quốc phòng và an ninh của Quốc hội trình báo cáo thẩm tra;
3. Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;
4. Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu, nêu nội dung để Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết;
5. Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết thông qua nghị quyết.

Điều 62. Quyết định tổng động viên hoặc động viên cục bộ; ban bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương

1. Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định tổng động viên hoặc động viên cục bộ theo trình tự sau:

- a) Hội đồng quốc phòng và an ninh hoặc Thủ tướng Chính phủ trình tờ trình và dự thảo nghị quyết;
- b) Ủy ban quốc phòng và an ninh của Quốc hội trình báo cáo thẩm tra;
- c) Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;
- d) Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu, nêu nội dung để Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết;
- đ) Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết thông qua nghị quyết.

2. Ủy ban thường vụ Quốc hội ban bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương theo trình tự sau:

- a) Thủ tướng Chính phủ trình tờ trình và dự thảo nghị quyết;
- b) Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội được phân công chủ trì thẩm tra trình báo cáo thẩm tra;
- c) Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;
- d) Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu, nêu nội dung để Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết;
- đ) Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết thông qua nghị quyết.

3. Tổng thư ký Quốc hội tổ chức họp báo công bố nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Điều 63. Hướng dẫn và bảo đảm điều kiện hoạt động của đại biểu Quốc hội

Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua nghị quyết hướng dẫn và bảo đảm điều kiện hoạt động của đại biểu Quốc hội theo trình tự sau:

1. Cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản trình tờ trình và dự thảo nghị quyết;
2. Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội được phân công chủ trì thẩm tra trình báo cáo thẩm tra;
3. Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;
4. Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu, nêu nội dung để Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết;
5. Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết thông qua nghị quyết.

Điều 64. Quy định chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân

Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quy định chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân theo trình tự sau:

1. Chính phủ trình tờ trình và dự thảo nghị quyết;
2. Ủy ban tài chính, ngân sách của Quốc hội trình báo cáo thẩm tra;
3. Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;
4. Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu, nêu nội dung để Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết;
5. Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết thông qua nghị quyết.

Điều 65. Quyết định chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khác của Văn phòng Quốc hội và các cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội

Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khác của Văn phòng Quốc hội và các cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội theo trình tự sau:

1. Văn phòng Quốc hội trình tờ trình và dự thảo nghị quyết;
2. Ủy ban tài chính, ngân sách của Quốc hội trình báo cáo thẩm tra;
3. Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;
4. Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu, nêu nội dung để Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết;
5. Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết thông qua nghị quyết.

Điều 66. Quy định chế độ tiền lương, phụ cấp, trang phục và chế độ ưu tiên đối với cán bộ, công chức của Kiểm toán nhà nước

Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quy định chế độ tiền lương, phụ cấp, trang phục và chế độ ưu tiên đối với cán bộ, công chức của Kiểm toán nhà nước theo trình tự sau:

1. Kiểm toán nhà nước trình tờ trình và dự thảo nghị quyết;
2. Ủy ban tài chính, ngân sách của Quốc hội trình báo cáo thẩm tra;

3. Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;
4. Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu, nêu nội dung để Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết;
5. Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết thông qua nghị quyết.

Mục 5

TRONG CÁC LĨNH VỰC KHÁC

Điều 67. Quyết định chương trình làm việc hàng năm của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định chương trình làm việc hàng năm tại phiên họp cuối năm trước theo trình tự sau:

1. Tổng thư ký Quốc hội trình dự thảo chương trình;
2. Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;
3. Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu, nêu nội dung để Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết;
4. Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết thông qua chương trình.

Điều 68. Chuẩn bị chương trình kỳ họp Quốc hội

1. Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét việc chuẩn bị dự kiến chương trình kỳ họp Quốc hội theo trình tự sau:

- a) Tổng thư ký Quốc hội trình tờ trình, dự kiến chương trình kỳ họp Quốc hội;
- b) Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;
- c) Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu.

2. Việc chuẩn bị dự kiến chương trình kỳ họp Quốc hội được Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét về nội dung; chi tiết về thời lượng, thời điểm xem xét, quyết định đối với các nội dung cụ thể; việc tiếp thu ý kiến các Đoàn đại biểu Quốc hội, các đại biểu Quốc hội chính lý dự kiến chương trình kỳ họp Quốc hội.

Tổng thư ký Quốc hội tổ chức tiếp thu, chỉnh lý dự kiến chương trình và gửi xin ý kiến các Đoàn đại biểu Quốc hội, các đại biểu Quốc hội chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp.

3. Ủy ban thường vụ Quốc hội trình Quốc hội thông qua chương trình làm việc của kỳ họp Quốc hội tại phiên họp trù bị của Quốc hội và tổ chức việc thực hiện chương trình theo trình tự, thủ tục quy định tại Nội quy kỳ họp Quốc hội.

Điều 69. Tổng kết kỳ họp Quốc hội

1. Ủy ban thường vụ Quốc hội tổ chức tổng kết kỳ họp Quốc hội theo quy định tại Điều 13 của Nội quy kỳ họp Quốc hội.

2. Ủy ban thường vụ Quốc hội tổng kết kỳ họp Quốc hội theo trình tự sau:

- a) Tổng thư ký Quốc hội trình dự thảo Báo cáo tổng kết kỳ họp Quốc hội;

- b) Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận;
- c) Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu.

3. Tổng thư ký Quốc hội tổ chức việc tiếp thu, chỉnh lý Báo cáo tổng kết kỳ họp Quốc hội theo ý kiến của Ủy ban thường vụ Quốc hội, trình Chủ tịch Quốc hội xem xét, ký ban hành.

4. Báo cáo của Ủy ban thường vụ Quốc hội về tổng kết kỳ họp Quốc hội được gửi đến đại biểu Quốc hội, các cơ quan, tổ chức hữu quan.

Điều 70. Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội

Ủy ban thường vụ Quốc hội chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội theo quy định tại Điều 52 của Luật tổ chức Quốc hội.

CHƯƠNG IV

QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Điều 71. Quan hệ công tác với Chủ tịch nước

Chủ tịch nước có quyền tham dự phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội và phát biểu ý kiến về các vấn đề thuộc chương trình làm việc của phiên họp.

Khi cần thiết, Chủ tịch Quốc hội làm việc với Chủ tịch nước để phối hợp công tác trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Điều 72. Quan hệ công tác với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

1. Thủ tướng Chính phủ được mời tham dự phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội và phát biểu về các vấn đề thuộc chương trình phiên họp. Bộ trưởng, các thành viên khác của Chính phủ được mời tham dự phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội và phát biểu ý kiến về các vấn đề liên quan đến lĩnh vực được phân công phụ trách.

2. Ủy ban thường vụ Quốc hội thông báo đến Thủ tướng Chính phủ về chương trình hoạt động của mình, nghị quyết, quyết định, kết luận của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội thuộc trách nhiệm thực hiện của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

3. Chính phủ báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội chương trình công tác của mình và việc thực hiện chương trình đó theo định kỳ hàng tháng, hàng quý, hàng năm.

4. Khi cần thiết, Chủ tịch Quốc hội làm việc với Thủ tướng Chính phủ về tình hình thực hiện luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội và các vấn đề khác có liên quan.

Điều 73. Quan hệ công tác với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước

1. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước được mời tham dự phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội và phát biểu về các vấn đề có liên quan.

2. Ủy ban thường vụ Quốc hội thông báo đến Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước về chương trình hoạt động, nghị quyết, quyết định, kết luận của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội thuộc trách nhiệm thực hiện của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước.

3. Hàng năm, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội về chương trình công tác của mình và việc thực hiện chương trình đó.

4. Khi cần thiết, Chủ tịch Quốc hội làm việc với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước về tình hình thực hiện luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội và các vấn đề khác có liên quan.

Điều 74. Quan hệ công tác với Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và người đứng đầu các tổ chức thành viên của Mặt trận

1. Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và người đứng đầu các tổ chức thành viên của Mặt trận được mời tham dự phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội về vấn đề có liên quan và có quyền phát biểu ý kiến.

2. Ủy ban thường vụ Quốc hội phối hợp với Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tiếp nhận và tổng hợp ý kiến của cử tri do đại biểu Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên của Mặt trận gửi đến để báo cáo Quốc hội.

3. Khi cần thiết, Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận phối hợp tổ chức lấy ý kiến Nhân dân, các ngành, các cấp về dự thảo Hiến pháp, luật, pháp lệnh.

4. Khi cần thiết, Chủ tịch Quốc hội làm việc với Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để phối hợp công tác trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2015

**TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Sinh Hùng